

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2018/DS-ST
Ngày 27-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ H

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Doãn Văn Sáng

Ông Hoàng Đức Cảnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 06 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2018/QĐST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần K; địa chỉ: Số 40 - 42 - 44 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Quang Thường, chức vụ: Nhân viên Xử lý nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần K - Chi nhánh H; địa chỉ: số 87 Tô Hiệu, phường Trại Cau, quận J, thành phố H (Giấy ủy quyền số 654/UQ-KLHP ngày 02 tháng 6 năm 2018); có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Nho H, sinh năm 1980 và chị Phạm Thị L, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Nho P, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Nho P và bà Nguyễn Thị M: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H (Giấy ủy quyền ngày 02 tháng 10 năm 2018); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2017 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần K - Chi nhánh H có cho anh Phạm Nho H, vợ là chị Phạm Thị L vay tiền theo các hợp đồng tín dụng sau:

Ngày 25 tháng 8 năm 2014 Ngân hàng Thương mại Cổ phần K - Chi nhánh H và anh Phạm Nho H, chị Phạm Thị L ký hợp đồng tín dụng số 3606/HĐTD và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 3606.1, số tiền vay là 190.000.000 đồng, mục đích vay là thanh toán tiền xây nhà, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2014 đến ngày 25 tháng 8 năm 2019; lãi suất cho vay là 14,67%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng 01 lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lĩnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 4,77%/năm, lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay hiện hành tại đơn vị (cùng loại hình và phương thức cho vay), lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ; phạt chậm trả lãi là 0,05%/ngày trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả lãi; phương thức trả nợ gốc và lãi theo tháng, mỗi tháng anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền nợ gốc là 3.100.000 đồng và trả lãi vào ngày 25 hàng tháng, tháng cuối cùng phải trả số tiền nợ gốc là 7.100.000 đồng.

Ngày 27 tháng 8 năm 2015 Ngân hàng Thương mại Cổ phần K - Chi nhánh H và anh Phạm Nho H, chị Phạm Thị L ký hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 358/15/HĐTD/1400-0290. Thực hiện hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 358/15/HĐTD/1400-0290, anh Phạm Nho H, chị Phạm Thị L và Ngân hàng Thương mại Cổ phần K - Chi nhánh H ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 359/15/HĐTD/1400-0290 ngày 27 tháng 8 năm 2015 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 359/KUNN.CN ngày 27 tháng 8 năm 2018, số tiền vay 600.000.000 đồng; mục đích vay bổ sung vốn sản xuất kinh doanh hương, vàng mã; thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2015 đến ngày 27 tháng 8 năm 2016; lãi suất cho vay là 10,98%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng 01 lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lĩnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 3,96%/năm, lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay hiện hành tại đơn vị (cùng loại hình và phương thức cho vay); lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; phạt chậm trả lãi là 0,05%/ngày trên số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả lãi; phương thức trả nợ gốc 01 lần vào ngày kết thúc hợp đồng tín dụng, trả nợ lãi vào ngày 25 hàng tháng.

Để bảo đảm cho số tiền vay trên anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L đã thế chấp các tài sản gồm: Quyền sử dụng 1260m² đất và các tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 213, tờ bản đồ số 03 tại thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 419796, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH00673 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố H cấp ngày 05 tháng 12 năm 2013 cho chủ sử dụng là anh Phạm Nho H, vợ là Phạm Thị L; Quyền sử dụng 250m² đất và các tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 211, tờ bản đồ số 03 tại thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 184656, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH00533 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố H cấp ngày 30 tháng 7 năm 2012 cho chủ sử dụng là anh Phạm Nho H, vợ là Phạm Thị L theo Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 21 tháng 8 năm 2014 và hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 01 ngày 27 tháng 8 năm 2015. Hợp đồng thế chấp tài sản và hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung được công chứng tại Văn phòng Công chứng Đất Cảng và tài sản thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất một cấp tại huyện T.

Thực hiện hợp đồng tín dụng Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đã giải đủ số tiền vay 190.000.000 đồng của hợp đồng tín dụng số 3606/HĐTD ngày 25 tháng 8 năm 2014 và số tiền vay 600.000.000 đồng của hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 359/15/HĐTD/1400-0290 ngày 27 tháng 8 năm 2015 cho anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng số 3606/HĐTD ngày 25 tháng 8 năm 2014 anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L mới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền nợ gốc là 86.800.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 49.355.840 đồng, anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2017 cụ thể không thanh toán trả số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi đến hạn cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K. Thực hiện hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 359/15/HĐTD/1400-0290 ngày 27 tháng 8 năm 2015 anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L mới thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền lãi trong hạn là 66.978.000 đồng, anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2016 cụ thể không thanh toán số tiền nợ gốc đến hạn cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K. Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu trả nợ nhưng anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 27 tháng 11 năm 2018 anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền là 967.748.835 đồng bao gồm nợ gốc là 703.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 21.477.068 đồng, nợ lãi quá hạn là 238.783.713 đồng, phạt chậm trả lãi là 4.288.054 đồng (trong đó số tiền nợ của hợp đồng tín dụng số 3606/HĐTD ngày 25 tháng 8 năm 2014 là 137.821.781 đồng bao gồm nợ gốc là 103.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 21.477.068 đồng, nợ lãi quá hạn là 13.144.713 đồng và tiền phạt chậm trả lãi là 4.288.054 đồng; số tiền nợ của hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 359/15/HĐTD/1400-0290 ngày 27 tháng 8 năm 2015 là 825.639.000 đồng bao gồm nợ gốc là 600.000.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 225.639.000 đồng).

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2017 và các lời khai trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L phải trả số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng số 3606/HĐTD ngày 25 tháng 8 năm 2014 và hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 359/15/HĐTD/1400-0290 ngày 27 tháng 8 năm 2015 bao gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi. Trường hợp anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tại phiên tòa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút yêu cầu anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L phải trả số tiền phạt chậm trả lãi là 4.288.054 đồng và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L phải trả số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng số 3606/HĐTD ngày 25 tháng 8 năm 2014 và hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 359/15/HĐTD/1400-0290 ngày 27 tháng 8 năm 2015 tính đến ngày 27 tháng 11 năm 2018 là 963.460.781 đồng bao gồm nợ gốc là 703.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 21.477.068 đồng, nợ lãi quá hạn là 238.783.713 đồng và tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc. Trường hợp anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả thì yêu cầu phát mại các tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ: Quyền sử dụng 1260 m² đất và các tài sản trên đất thuộc thửa đất số 213, tờ bản đồ số 03 tại thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 419796, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH00673 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố H cấp ngày 05 tháng 12 năm 2013 cho chủ sử dụng là anh Phạm Nho H, vợ là Phạm Thị L; Quyền sử dụng 250 m² đất và các tài sản trên đất thuộc thửa đất số 211, tờ bản đồ số 03 tại thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 184656, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH00533 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố H cấp ngày 30 tháng 7 năm 2012 cho chủ sử dụng là anh Phạm Nho H, vợ là Phạm Thị L.

Bị đơn Phạm Nho H và chị Phạm Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai có trong hồ sơ vụ án, anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L trình bày: Ngày 25 tháng 8 năm 2014 vợ chồng anh chị có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần K - Chi nhánh H để vay số tiền là 190.000.000 đồng, mục đích vay tiền là để xây nhà, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Ngày 27 tháng 8 năm 2015 vợ chồng anh chị có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần K - Chi nhánh H để vay số tiền là 600.000.000 đồng, mục đích sản xuất kinh doanh hương và vàng mã, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Để bảo đảm cho số tiền vay theo hai hợp đồng tín dụng trên vợ chồng anh chị đã thế chấp 02 tài sản gồm: Quyền sử dụng 1260 m² đất và các tài sản trên đất thuộc thửa đất số 213, tờ bản đồ số 03 tại thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 419796 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 05 tháng 12 năm 2013 cho chủ sử dụng là vợ chồng anh chị; Quyền sử dụng 250 m² đất và các tài sản trên đất thuộc thửa đất số 211, tờ bản đồ số 03 tại thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số BL 184656 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 30 tháng 7 năm 2012 cho chủ sử dụng là vợ chồng anh chị. Vợ chồng anh chị có ký hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng Thương mại Cổ phần K - Chi nhánh H, hợp đồng thế chấp đã được công chứng và tài sản thế chấp được đăng ký bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T. Tài sản thế chấp có nguồn gốc là của bố mẹ anh Phạm Nho H là ông Phạm Nho P và bà Nguyễn Thị M tặng cho vợ chồng anh chị. Sau khi ký hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ và hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng Thương mại Cổ phần K - Chi nhánh H thì vợ chồng anh chị đã nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký và còn nợ số tiền nợ gốc 703.200.000 đồng. Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần K yêu cầu vợ chồng anh chị phải trả số tiền còn nợ bao gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa trả cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc. Quan điểm của anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L thừa nhận còn nợ số tiền nợ gốc 703.200.000 đồng là đúng, đề nghị Ngân hàng Thương mại Cổ phần K cho vợ chồng anh chị trả nợ dần, mỗi tháng vợ chồng anh chị sẽ trả số tiền nợ gốc là 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K. Đối với số tiền nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn thì đề nghị Ngân hàng sao kê chi tiết cho anh chị về quá trình trả nợ và cách thức tính lãi suất nợ quá hạn của số tiền còn nợ và đề nghị Ngân hàng Thương mại Cổ phần K xem xét miễn toàn bộ tiền nợ lãi cho vợ chồng anh chị. Trường hợp vợ chồng anh chị không trả được nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì vợ chồng anh chị đồng ý để Ngân hàng Thương mại Cổ phần K được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Tài sản thế chấp vẫn giữ nguyên hiện trạng từ khi ký hợp đồng thế chấp đến nay không có thay đổi gì và do vợ chồng anh chị, ông Phạm Nho P và bà Nguyễn Thị M đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Phạm Nho P và bà Phạm Thị M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai có trong hồ sơ vụ án, ông Phạm Nho P và bà Nguyễn Thị M trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Phạm Nho H, vợ chồng ông bà có tài sản là diện tích đất và tài sản gắn liền với đất thuộc các thửa đất 211 và 213 tờ bản đồ số 03 tại thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H. Năm 2014 vợ chồng anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L có nhu cầu vay vốn ngân hàng để sản xuất kinh doanh hương nên vợ chồng ông bà đã ký hợp đồng tặng cho toàn bộ tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 211 và 213 tờ bản đồ số 03 tại thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H đứng tên chủ sử dụng ông bà cho anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L. Vợ chồng ông bà ký hợp đồng tặng cho tài sản cho vợ chồng anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L là hoàn toàn tự nguyện, mục đích ký hợp đồng cho tài sản là để anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L vay vốn ngân hàng để sản xuất kinh doanh hương. Tài sản là diện tích đất và tài sản gắn liền với đất thuộc các thửa đất 211 và 213 tờ bản đồ số 03 tại thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H hiện nay đứng tên chủ sử dụng là anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L. Anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L đã thế chấp toàn bộ tài sản trên để vay vốn ngân hàng, còn vay ngân hàng nào và số tiền bao nhiêu vợ chồng ông bà không biết. Do việc kinh doanh gặp khó khăn nên anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L đã không thanh toán trả nợ đúng hạn cho Ngân hàng. Tài sản thế chấp hiện nay vẫn do vợ chồng ông bà và vợ chồng anh Phạm Nho H trực tiếp quản lý, sử dụng. Nay Ngân hàng Thương mại Cổ

phần K yêu cầu anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L phải trả số tiền còn nợ, quan điểm vợ chồng ông bà đề nghị ngân hàng cho anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L trả nợ dần số tiền còn nợ theo phương án trả nợ mà vợ chồng chị Phạm Thị L đề nghị với Ngân hàng và xem xét miễn tiền nợ lãi. Trường hợp anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L không trả được nợ thì ông bà không đồng ý phát mại tài sản thế chấp vì hiện nay ông bà đang sinh sống cùng với anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L trên diện tích đất tại thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn là chị Phạm Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Nho P, bà Nguyễn Thị M trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn là anh Phạm Nho H chưa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116, 117, 119, 274, 280, 292, 295, 299, 317, 318, 319, 463, 466, 468, 500 và 502 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 167 Luật Đất đai; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần K về việc yêu cầu anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L phải trả số tiền phạt chậm trả lãi. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần K, buộc anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền nợ tính đến ngày 27 tháng 11 năm 2018 là 963.460.781 đồng bao gồm nợ gốc là 703.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 21.477.068 đồng, nợ lãi quá hạn là 238.783.713 đồng và tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ sau ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K. Trường hợp anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì phát mại các tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ: Quyền sử dụng 1260 m² đất và các tài sản trên đất thuộc thửa đất số 213, tờ bản đồ số 03 tại thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 419796, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH00673 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố H cấp ngày 05 tháng 12 năm 2013 cho chủ sử dụng là anh Phạm Nho H, vợ là Phạm Thị L; Quyền sử dụng 250 m² đất và các tài sản trên đất thuộc thửa đất số 211, tờ bản đồ số 03 tại thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 184656, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH00533 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố H cấp ngày 30 tháng 7 năm 2012 cho chủ sử dụng là anh Phạm Nho H, vợ là Phạm Thị L. Về án phí:

Anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Nho P và bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Nho P và bà Nguyễn Thị M.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và anh Phạm Nho H, chị Phạm Thị L là tranh chấp về hợp đồng tín dụng và bị đơn là anh Phạm Nho H, chị Phạm Thị L có nơi cư trú tại thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật áp dụng: Hợp đồng tín dụng số 3606/HĐTD ngày 25 tháng 8 năm 2014, hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 359/15/HĐTD/1400-0290 ngày 27 tháng 8 năm 2015 và hợp đồng thế chấp tài sản ngày 21 tháng 8 năm 2014 ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và anh Phạm Nho H, chị Phạm Thị L được xác lập trước ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật nhưng đang thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Tại phiên tòa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L phải trả số tiền phạt chậm trả lãi là 4.288.054 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K là tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K về việc yêu cầu anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L phải trả số tiền phạt chậm trả lãi là 4.288.054 đồng.

Xét yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K yêu cầu anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L phải trả số tiền nợ của hợp đồng tín dụng số 3606/HĐTD ngày 25 tháng 8 năm 2014 và hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 359/15/HĐTD/1400-0290 ngày 27 tháng 8 năm 2015 đã ký giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần K - Chi nhánh H và anh Phạm Nho H chị Phạm Thị L tính đến ngày 27 tháng 11 năm 2018 là 963.460.781 đồng bao gồm nợ gốc là 703.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn là

21.477.068 đồng, nợ lãi quá hạn là 238.783.713 đồng (trong đó số tiền nợ của hợp đồng tín dụng số 3606/HĐTD ngày 25 tháng 8 năm 2014 là 137.821.781 đồng bao gồm nợ gốc là 103.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 21.477.068 đồng, nợ lãi quá hạn là 13.144.713 đồng và tiền phạt chậm trả lãi là 4.288.054 đồng; số tiền nợ của hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 359/15/HĐTD/1400-0290 ngày 27 tháng 8 năm 2015 là 825.639.000 đồng bao gồm nợ gốc là 600.000.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 225.639.000 đồng) và tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ sau ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K. Bị đơn là anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L thừa nhận có ký hợp đồng tín dụng, đã nhận đủ số tiền vay và còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền nợ gốc là 703.200.000 đồng và đề nghị Ngân hàng Thương mại Cổ phần K cho trả nợ dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ gốc. Đối với số tiền nợ lãi anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L đề nghị Ngân hàng sao kê chi tiết cho anh chị về quá trình trả nợ, cách thức tính lãi suất nợ quá hạn của số tiền còn nợ và đề nghị xem xét miễn toàn bộ tiền nợ lãi, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đã gửi cho anh Phạm Nho H, chị Phạm Thị L bảng kê tính lãi, tiền phạt, vốn vay; sao kê giao dịch vay nhưng đến ngày mở phiên tòa anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L vắng mặt không có ý kiến về số tiền lãi đã trả và số tiền lãi còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần K. Xét hợp đồng tín dụng số 3606/HĐTD ngày 25 tháng 8 năm 2014, hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 359/15/HĐTD/1400-0290 ngày 27 tháng 8 năm 2015 và giấy đề nghị giải ngân kèm giấy nhận nợ được ký giữa người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và anh Phạm Nho H, chị Phạm Thị L là tự nguyện, có nội dung và hình thức phù hợp quy định tại Điều 117, Điều 119 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với nhau theo nội dung đã thỏa thuận trong đó có thỏa thuận về lãi suất. Căn cứ vào hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ, bảng kê tính lãi, tiền phạt, vốn vay; sao kê giao dịch vay có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã có đủ căn cứ xác định anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cụ thể không trả số tiền nợ gốc đến hạn của hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 359/15/HĐTD/1400-0290 ngày 27 tháng 8 năm 2015 kể từ ngày 27 tháng 8 năm 2016, không trả số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi đến hạn của hợp đồng tín dụng số 3606/HĐTD ngày 25 tháng 8 năm 2014 kể từ ngày 05 tháng 01 năm 2017 nên anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L phải trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 27 tháng 11 năm 2018 anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L đã thanh toán trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền lãi trong hạn của hợp đồng tín dụng số 3606/HĐTD ngày 25 tháng 8 năm 2014 là 49.355.840 đồng, số tiền lãi trong hạn của hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 359/15/HĐTD/1400-0290 ngày 27 tháng 8 năm 2015 là 66.978.000 đồng và còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền lãi trong hạn là 21.477.068 đồng, số tiền lãi quá hạn là 13.144.713 đồng của hợp đồng tín dụng số 3606/HĐTD ngày 25

tháng 8 năm 2014, số tiền lãi quá hạn là 225.639.000 đồng của hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 359/15/HĐTD/1400-0290 ngày 27 tháng 8 năm 2015. Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần K không đồng ý với đề nghị của anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L về phương án trả nợ gốc và miễn tiền nợ lãi. Do đó Ngân hàng Thương mại Cổ phần K yêu cầu anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L phải trả hết số tiền còn nợ bao gồm nợ gốc và nợ lãi là có căn cứ. Vì vậy căn cứ các điều 280, 282, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K, buộc anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền nợ tính đến ngày 27 tháng 11 năm 2018 là 963.460.781 đồng bao gồm nợ gốc là 703.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 21.477.068 đồng, nợ lãi quá hạn là 238.783.713 đồng (trong đó số tiền nợ của hợp đồng tín dụng số 3606/HĐTD ngày 25 tháng 8 năm 2014 là 137.821.781 đồng bao gồm nợ gốc là 103.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 21.477.068 đồng, nợ lãi quá hạn là 13.144.713 đồng; số tiền nợ của hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 359/15/HĐTD/1400-0290 ngày 27 tháng 8 năm 2015 là 825.639.000 đồng bao gồm nợ gốc là 600.000.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 225.639.000 đồng) và tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc.

Xét yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đề nghị phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ: Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 21 tháng 8 năm 2014 và hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung ngày 27 tháng 8 năm 2015, tài sản thế chấp là quyền sử dụng 1260 m² đất và các tài sản trên đất thuộc thửa đất số 213, tờ bản đồ số 03 tại thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 419796, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH00673 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố H cấp ngày 05 tháng 12 năm 2013 cho chủ sử dụng là anh Phạm Nho H, vợ là Phạm Thị L; quyền sử dụng 250 m² đất và các tài sản trên đất thuộc thửa đất số 211, tờ bản đồ số 03 tại thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 184656, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH00533 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố H cấp ngày 30 tháng 7 năm 2012 cho chủ sử dụng là anh Phạm Nho H, vợ là Phạm Thị L. Anh Phạm Nho H, chị Phạm Thị L và ông Phạm Nho P, bà Nguyễn Thị M đều thống nhất quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 211 và thửa đất 213 tờ bản đồ số 03 tại thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H có nguồn gốc là của ông Phạm Nho P và bà Nguyễn Thị M; các tài sản trên đất trong đó có tài sản là 01 nhà mái bằng xây kiên cố 2,5 tầng do ông Phạm Nho P, bà Nguyễn Thị M và anh Phạm Nho H, chị Phạm Thị L góp tiền xây dựng từ năm 2011, còn lại các tài sản khác là của ông Phạm Nho P và bà Nguyễn Thị M. Sau đó ông Phạm Nho P và bà Phạm Thị M đã ký hợp đồng tặng cho toàn bộ tài sản trên cho anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L, chị Phạm Thị L và anh Phạm Nho H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thế chấp vay vốn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long. Các tài sản trên đất đều có trước khi ông Phạm Nho P và bà Nguyễn Thị M ký hợp đồng tặng cho và sau khi tặng cho thì ông Phạm Nho P và bà Nguyễn Thị M không xây dựng thêm tài sản gì trên đất. Vì vậy có đủ căn cứ xác định

các tài sản trên đất và quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 211 và thửa đất 213, tờ bản đồ số 03 tại thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H là tài sản của anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L. Tòa án đã tiến hành xét xét thẩm định tại chỗ thể hiện tài sản thế chấp vẫn giữ nguyên hiện trạng từ khi ký hợp đồng thế chấp tài sản đến nay không có thay đổi gì, hiện nay do anh Phạm Nho H, chị Phạm Thị L và ông Phạm Nho P, bà Nguyễn Thị M đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Xét hợp đồng thế chấp tài sản ngày 21 tháng 8 năm 2014 và hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi, bổ sung ngày 27 tháng 8 năm 2015 được ký giữa chủ tài sản là anh Phạm Nho H, chị Phạm Thị L và người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K là tự nguyện, hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng và tài sản thế chấp được đăng ký bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T, có mục đích và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 293, 295, 298, 318, 319, 500, 502 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 167, Điều 188 của Luật đất đai năm 2013 và không trái đạo đức xã hội. Vì vậy hợp đồng thế chấp tài sản có hiệu lực từ thời điểm đăng ký thế chấp, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với nhau theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng thế chấp tài sản. Do đó trường hợp anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố H phát mại các tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp quy định tại các điều 299, 320, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần K được chấp nhận toàn bộ nên căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L phải chịu 40.904.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền tạm ứng án phí 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009081 ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 117, 119, 280, 282, 293, 295, 298, 299, 318, 319, 320, 323, 463, 466, 500, 502 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 167, Điều 188 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K,

buộc anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền nợ tính đến hết ngày 27 tháng 11 năm 2018 là 963.460.781 đồng (Chín trăm sáu ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn bảy trăm tám mươi một đồng) bao gồm nợ gốc là 703.200.000 đồng (Bảy trăm linh ba triệu hai trăm nghìn đồng), nợ lãi trong hạn là 21.477.068 đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi tám đồng), nợ lãi quá hạn là 238.783.713 đồng (Hai trăm ba mươi tám triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm mười ba đồng), trong đó: Số tiền nợ của hợp đồng tín dụng số 3606/HĐTD ngày 25 tháng 8 năm 2014 là 137.821.781 đồng bao gồm nợ gốc là 103.200.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 21.477.068 đồng, nợ lãi quá hạn là 13.144.713 đồng; số tiền nợ của hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 359/15/HĐTD/1400-0290 ngày 27 tháng 8 năm 2015 là 825.639.000 đồng bao gồm nợ gốc là 600.000.000 đồng và nợ lãi quá hạn là 225.639.000 đồng.

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L vẫn phải tiếp tục chịu tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố H phát mại các tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ: Quyền sử dụng 1260 m² đất và các tài sản trên đất thuộc thửa đất số 213, tờ bản đồ số 03 tại thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 419796, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH00673 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố H cấp ngày 05 tháng 12 năm 2013 cho chủ sử dụng là anh Phạm Nho H, vợ là Phạm Thị L; Quyền sử dụng 250 m² đất và các tài sản trên đất thuộc thửa đất số 211, tờ bản đồ số 03 tại thôn 7, xã K, huyện T, thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 184656, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH00533 do Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố H cấp ngày 30 tháng 7 năm 2012 cho chủ sử dụng là anh Phạm Nho H, vợ là Phạm Thị L.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K về việc yêu cầu anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L phải trả số tiền phạt chậm trả lãi là 4.288.054 đồng.

3. Về án phí: Anh Phạm Nho H và chị Phạm Thị L phải chịu 40.904.000 đồng (Bốn mươi triệu chín trăm linh bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền tạm ứng án phí 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009081 ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố H.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP H;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền

